

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN**

**Trình độ đào tạo: Cao đẳng**  
**Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**(Áp dụng cho hệ cao đẳng tuyển sinh từ năm 2023)**

**I. Thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy học phần**

TT	Họ tên giảng viên	Học hàm/ Học vị	Số điện thoại	Email	Đơn vị công tác	Địa điểm làm việc
1	Trần Thị Hồng Minh	Thạc sĩ	0985025667	hongminh6165@gmail.com	Tổ MN, Khoa GD TH - MN	VPK TH - MN
2	Bùi Thị Thu Thủy	Thạc sĩ	0369018018	thuthuycdsp@bacninh.edu.vn	Tổ MN, Khoa GD TH - MN	VPK TH - MN
3	Lưu Thị Thanh Hương	Thạc sĩ	0976929187	thanhhuong.bn99@gmail.com	Tổ MN, Khoa GD TH - MN	VPK TH - MN
4	Vũ Thị Ánh Ngọc	Thạc sĩ	0985133838	ducngoc1402@gmail.com	Tổ MN, Khoa GD TH - MN	VPK TH - MN
5	Nguyễn Thị Dư	Thạc sĩ	0945353459	ntd.cdspbn@gmail.com	Tổ MN, Khoa GD TH - MN	VPK TH - MN
6	Trịnh Thị Ngà	Thạc sĩ	0989129215	trinhngaspbn@gmail.com	Cơ sở MN Hoa Phượng	VPK TH - MN
7	Nguyễn Thị Nhung	Thạc sĩ	0942522616	nguyenthinhung@cdspbacninh.edu.vn	Phòng Đào tạo	Tầng 1, nhà D

**2. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: PHÁT TRIỂN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON
- Mã học phần: MN.MN.CN.04
- Số tín chỉ: 03
- Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non      Bậc đào tạo: Cao đẳng      Hình thức đào tạo: Chính quy, VLVH, liên thông
- Các học phần tiên quyết: Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non, Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non và các học phần thuộc khối kiến thức ngành.
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Lí thuyết: 30

+ Thực hành: 30

+ Sinh viên tự học: 120

- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

### **3. Mục tiêu của học phần**

Học phần này cung cấp và trang bị cho người học về:

#### **3.1. Kiến thức**

Trình bày được khái niệm chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non; Cơ sở khoa học về phát triển chương trình giáo dục mầm non.

Phân tích được những vấn đề cơ bản về phát triển chương trình giáo dục mầm non.

Sử dụng được những kiến thức chuyên sâu về tâm lí học mầm non, giáo dục học mầm non trong phát triển chương trình giáo dục mầm non.

#### **3.2. Kỹ năng**

Thực hiện được kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non, làm việc nhóm, tự học và ứng dụng công nghệ thông tin, trong phát triển chương trình giáo dục mầm non.

Xây dựng được các kế hoạch (năm, tháng/chủ đề, tuần, ngày, một hoạt động) theo từng độ tuổi trẻ ở trường mầm non.

Tổ chức thực hiện được chương trình giáo dục mầm non theo độ tuổi ở trường mầm non.

Phát triển kỹ năng lồng ghép các phương pháp giáo dục và xây dựng được môi trường tổ chức hoạt động giáo dục trẻ mầm non đảm bảo an toàn, đảm bảo tính giáo dục, tính thẩm mỹ và tính mở.

#### **3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

NL1. Sinh viên có thái độ đúng đắn về môn học, biểu hiện bằng thái độ học tập, tự giác, chủ động, tích cực, sáng tạo và nắm được các yêu cầu cần thiết của môn học

NL2. Sinh viên luôn có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng của môn học vào thực tiễn, thực tập và quá trình công tác.

NL 3. Sinh viên tích cực trong việc phát triển chương trình giáo dục để thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non

### **4. Chuẩn đầu ra của học phần**

Sau khi hoàn thành học phần này người học đạt được:

#### **4.1. Về kiến thức**

KT1: Trình bày được khái niệm chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non, cơ sở khoa học về phát triển chương trình giáo dục mầm non. (KTCN1)

KT2: Phân tích được cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non. (KTCN2)

KT3: Phân tích được những vấn đề cơ bản về phát triển chương trình giáo dục mầm non: Các dạng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Chương trình giáo dục mầm non các độ tuổi. (KTCN3)

KT4: Đánh giá được sự phát triển của trẻ và đánh giá các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ mầm non qua việc sử dụng được kiến thức chuyên sâu về tâm lý học mầm non, giáo dục học mầm non trong phát triển chương trình giáo dục mầm non ở nhóm lớp. (KTCN5)

KT5: Xác định được các yếu tố của môi trường giáo dục trẻ ở một trường mầm non đảm bảo lồng ghép kiến thức giáo dục hòa nhập và giáo dục sớm cho trẻ ở trường mầm non. (KTCN6)

KT6: Xác định được các yếu tố của môi trường giáo dục trẻ ở một trường mầm non nhằm giáo dục kỹ năng sống phù hợp với trẻ mầm non. (KTCN8)

KT7: Phối hợp với các lực lượng giáo dục khác ngoài nhà trường cùng thực hiện chương trình giáo dục mầm non. (KTCN9)

KT8: Sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các thiết bị công nghệ, thể hiện khả năng nghệ thuật trong Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non. (KTCN10)

## **4.2. Về kỹ năng**

### **4.2.1. Về kỹ năng cứng (KNC)**

KNC1: Thành thạo xây dựng và lập được các loại kế hoạch (năm, tháng/chủ đề, tuần ngày, hoạt động), thực hiện phát triển chương trình giáo dục mầm non ở các độ tuổi. (KNC2)

KNC2: Có kỹ năng thiết kế tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non, lập kế hoạch các hoạt động giáo dục khi tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với nhóm/lớp mầm non. (KNC3)

KNC3: Phân tích, tiếp cận và xử lý tình huống trong việc phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non. (KNC4)

KNC4: Tiếp cận khai thác và ứng dụng khoa học giáo dục vào hoạt động phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non. (KNC5)

KNC5: Quan sát, đánh giá và xác định được các yếu tố của môi trường giáo dục trẻ ở một trường mầm non đảm bảo lồng ghép kiến thức giáo dục hòa nhập và giáo dục sớm cho trẻ ở trường mầm non trong hoạt động phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non. (KNC6)

#### 4.2.2. Về kỹ năng mềm (KNM)

KNM1: Rèn kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non, làm việc nhóm, tự học và ứng dụng công nghệ thông tin, trong phát triển chương trình giáo dục mầm non. (KNM1)

KNM2: Rèn kỹ năng xây dựng và tổ chức được chương trình giáo dục mầm non theo độ tuổi, kế hoạch hoạt động giáo dục theo tháng, chủ đề. (KNM2)

KNM3: Hình thành và rèn kỹ năng thiết kế chương trình giáo dục mầm non theo độ tuổi, Xây dựng chương trình giáo dục trẻ theo tháng, chủ đề, tuần, ngày. (KNM3)

KNM4: Phát triển kỹ năng lồng ghép các phương pháp giáo dục và xây dựng được môi trường tổ chức hoạt động giáo dục trẻ mầm non đảm bảo an toàn, đảm bảo tính giáo dục, tính thẩm mỹ và tính mở. (KNM4)

KNM5: Lập kế hoạch lồng ghép các hoạt động trải nghiệm phù hợp với trẻ từng độ tuổi ở trường mầm non. (KNM5)

KNM6: Xác định được các yếu tố của môi trường giáo dục trẻ ở một trường mầm non đảm bảo lồng ghép kiến thức giáo dục hòa nhập và giáo dục sớm cho trẻ ở trường mầm non. (KNM9)

KNM7: Xác định được các yếu tố của môi trường giáo dục trẻ ở một trường mầm non nhằm giáo dục kỹ năng sống phù hợp với trẻ mầm non. (KNM10)

KNM8: Phối hợp với các lực lượng giáo dục khác ngoài nhà trường cùng thực hiện chương trình giáo dục mầm non. (KNM11)

KNM9: Xác định được các nội dung kiến thức tự học, tự nghiên cứu. (KNM12)

### 4.3. Về năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm

NL1. Sinh viên hiểu được vai trò của việc phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ.

NL2. Sinh viên vận dụng lý luận đã học để phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện thực tế ở từng trường mầm non.

NL3. Sinh viên phân tích và đánh giá được các loại kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế ở từng trường mầm non.





## 6. Các yêu cầu của học phần

- Yêu cầu đối với sinh viên:

Dự lớp ít nhất 80% số giờ trên lớp, có ý thức học tập đúng đắn, làm đủ các bài kiểm tra, bài thi học phần.

Đọc nghiên cứu trước giáo trình. Chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng. Chuẩn bị xeminar, đọc, sưu tầm tư liệu liên quan đến bài.

Dụng cụ học tập: Tài liệu học tập và vở ghi chép.

- Yêu cầu giảng viên:

Công khai đề cương chi tiết môn học cho sinh viên

Chuẩn bị đầy đủ phương tiện phục vụ cho môn học.

## 7. Nội dung, phương pháp dạy - học

TT số tiết theo CT	Nội dung	Phương pháp dạy - học	Giờ giảng dạy trên lớp		Giờ sinh viên tự học
			Lí thuyết	Bài tập/ Thực hành	
	<b>Chương 1: Phát triển chương trình giáo dục mầm non</b>		(6)	(2)	(16)
1	1.1. Khái niệm chương trình giáo dục mầm non; khái niệm về phát triển chương trình giáo dục mầm non	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thảo luận	LT1		
2	1.2. Cơ sở khoa học của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non		LT2		
3	1.3. Các bước phát triển chương trình 1.3.1. Hình thức thiết kế chương trình		LT3		
	<b>* Tự học của sinh viên</b> (Đọc tài liệu [1,2,3,4]) - Nghiên cứu kĩ chương trình giáo dục tuổi nhà trẻ, mẫu giáo. Chia lớp thành 4 nhóm (nhà trẻ, mẫu giáo				6

	<p>bé, mẫu giáo nhỏ, mẫu giáo lớn) mỗi nhóm vẽ và hoàn thành sơ đồ kiến thức về nội dung giáo dục trong chương trình giáo dục mầm non.</p> <p>- Tìm hiểu nội dung các bước phát triển chương trình giáo dục mầm non.</p> <p>- Xu hướng phát triển chương trình giáo dục mầm non trong nước và trên thế giới</p>				
4	1.3.2. Các yếu tố cấu thành một chương trình		LT4		
5	1.3.3. Các bước phát triển chương trình giáo dục mầm non	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	LT5		
6	1.4. Xu hướng phát triển chương trình giáo dục mầm non trong nước và trên thế giới		LT6		
7	*Thảo luận: Nội dung chương trình giáo dục mầm non – Lồng ghép ATGT vào nội dung chương trình giáo dục mầm non.			TH1,2	
8					
	<p><b>* Tự học của sinh viên</b></p> <p>1. Yêu cầu: Sinh viên đọc tài liệu: + GT chính số 1 (tr.35 – tr.37) Vẽ sơ đồ biểu diễn quá trình phát triển chương trình giáo dục mầm non và phân tích sơ đồ đó.</p> <p>2. Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến nội dung bài</p> <p><b>Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình</b></p>				10



	<b>GDMN</b>				
	<b>Chương 2: Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình GDMN</b>		<b>(19)</b>	<b>(20)</b>	<b>(78)</b>
9	2.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc lập kế hoạch	Phương pháp nêu vấn đề	LT7		
10	2.2. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN 2.2.1. Quán triệt mục tiêu giáo dục mầm non 2.2.2. Đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn 2.2.3. Đảm bảo tính phát triển 2.2.4. Đảm bảo tính toàn diện 2.2.5. Đảm bảo tính pháp lệnh của kế hoạch	Phương pháp thuyết trình Phương pháp nghiên cứu tài liệu Phương pháp đàm thoại	LT8		
	<b>* Tự học của sinh viên</b> 1. Yêu cầu: Sinh viên đọc tài liệu: + GT chính số 1 (tr.35 – tr.64) 2. Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến nội dung bài				4
11 12	2.3. Các loại kế hoạch, cấu trúc và nội dung 2.3.1. Kế hoạch thực hiện chương trình theo năm học cho từng độ tuổi a. Căn cứ để xây dựng chương trình b. Cấu trúc kế hoạch thực hiện chương trình theo năm học	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thảo luận	LT9 LT10		
	<b>* Tự học của sinh viên</b> - Đọc tài liệu [1,2,3,4] - Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.				4

13,14	2.3.2. Kế hoạch thực hiện chương trình theo tháng ở lứa tuổi nhà trẻ	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	LT11,12		
15,16,17,18	Thực hành: Lập kế hoạch thực hiện chương trình theo tháng ở lứa tuổi nhà trẻ	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận		TH3,4,5,6	
	<p><b>* Tự học của sinh viên</b> (Đọc tài liệu [1,2,3,4]) Vận dụng lí thuyết và tình hình thực tế của địa phương xác định các nội dung cho trẻ nhà trẻ khám phá và lập kế hoạch thực hiện chương trình theo từng tháng đó. Thời gian hoàn thành bài tập: trong tuần học kế tiếp</p>				12
19	2.3.3. Kế hoạch thực hiện chủ đề a. Cấu trúc kế hoạch thực hiện chủ đề	Phương pháp nêu vấn đề	LT13		
20,21	b. Trình tự các bước lập kế hoạch thực hiện chủ đề	Phương pháp thuyết trình Phương pháp nc tài liệu Phương pháp đàm thoại	LT14,15		
	<b>* Tự học của sinh viên</b>				6

	(Đọc tài liệu [1,2,3,4]) Vận dụng lí thuyết và tình hình thực tế của địa phương xác định các chủ đề cho trẻ khám phá và lập kế hoạch cho các chủ đề đó. Thời gian hoàn thành bài tập : trong tuần học kế tiếp				
22	<b>* KIỂM TRA ĐỊNH KÌ</b>			TH7	
23,24, 25	<b>*Thực hành – thảo luận</b> - Thành lập các nhóm thảo luận về các bước thực hiện chủ đề, chủ đề Giao thông. Lên kế hoạch thực hiện chủ đề theo 3 bước: Mở chủ đề, khám phá chủ đề và đóng chủ đề. Độ tuổi 24-36 tháng tuổi, 3 – 4 tuổi, 4 – 5 tuổi, 5 – 6 tuổi ở trường mầm non.	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận		TH8,9,10	
	<b>* Tự học của sinh viên</b> (Đọc tài liệu [1,2,3,4]) - Ôn lại chương trình GDMN - Lập kế hoạch tháng cho trẻ nhà trẻ - Lập kế hoạch chủ đề cho trẻ mẫu giáo Trả bài theo yêu cầu của GV.				12
26,27	2.3.4. Kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục trong một ngày	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại	LT16,17		
28,29,30	<b>*Thực hành – thảo luận:</b> Lập kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục trong một ngày	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành,		TH11,12,13	

		thảo luận			
	<p><b>* Tự học của sinh viên</b> (Đọc tài liệu [1,4])</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn lại chương trình GDMN</li> <li>- Lập kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục trong một ngày.</li> </ul> <p>Trả bài theo yêu cầu của giảng viên.</p>				12
31,32	2.3.5. Kế hoạch tổ chức hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	LT18,19		
	<p><b>* Tự học của sinh viên</b> (Đọc tài liệu [1,4])</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn lại chương trình GDMN</li> <li>- Lập kế hoạch tổ chức hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ.</li> <li>- Trả bài theo yêu cầu của GV.</li> </ul>				4
33	<p>2.4. Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề</p> <p>2.4.1. Khái niệm tích hợp</p> <p>2.4.2. Hình thức tích hợp</p>	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	LT20		
	<p><b>* Tự học của sinh viên</b> - Đọc tài liệu ([1,2,3,4])</p>				4

	- Chuẩn bị các câu hỏi về nội dung bài học.				
34,35	2.4.3. Tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề 2.4.3.1. Khái niệm về chủ đề 2.4.3.2. Yêu cầu với việc lựa chọn chủ đề. 2.4.3.3. Các cách lựa chọn chủ đề	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan.	LT21,22		
36,37	* Thực hành: Lựa chọn chủ đề cho các độ tuổi. Chia lớp thành 4 nhóm (nhà trẻ, mẫu giáo bé, mẫu giáo nhỡ, mẫu giáo lớn) mỗi nhóm lựa chọn chủ đề cho các độ tuổi trên.	Phương pháp đàm thoại, thực hành, thảo luận		TH14,15	
	* <b>Tự học của sinh viên</b> (Đọc tài liệu [1,2,4]) - Ôn lại chương trình GDMN - Lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề. Trả bài tập theo yêu cầu của giảng viên.				6
38 - 40	2.4.3.4. Tổ chức thực hiện chủ đề		LT 23-25		
41	* <b>KIỂM TRA ĐỊNH KÌ</b>			TH16	
42,43, 44,45	*Thực hành lập kế hoạch tổ chức thực hiện một số chủ đề ở trường mầm non: - Nhóm 1: Độ tuổi nhà trẻ - Nhóm 2: Độ tuổi 3 – 4 tuổi - Nhóm 3: Độ tuổi 4 – 5 tuổi - Nhóm 4: Độ tuổi 5 – 6 tuổi	Phương pháp đàm thoại, thực hành, thảo luận		TH17,18, 19,20	
	* <b>Tự học của sinh viên</b> (Đọc tài liệu [1,2,3,4])				14

	<p>-Thực hành lập kế hoạch tổ chức thực hiện một số chủ đề ở trường mầm non</p> <p>-Vận dụng lí thuyết và tình hình thực tế của địa phương, tìm hiểu và xác định các chủ đề có thể phát sinh cho trẻ khám phá, lập kế hoạch cho các chủ đề đó.</p>				
	<b>Chương 3: Tiếp cận sự kiện trong quá trình thực hiện chủ đề và chương trình phát sinh</b>		(5)	(8)	(26)
46,47,48	<p>3.1. Tiếp cận sự kiện trong quá trình thực hiện chủ đề</p> <p>3.1.1. Các tiêu chí lựa chọn sự kiện</p> <p>3.1.2. Tổ chức thực hiện</p>	<p>Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận</p>	LT26,27,28		
	<p><b>* Tự học của sinh viên</b> (Đọc tài liệu [1,2,3,4])</p> <p>Vận dụng lí thuyết và tình hình thực tế của địa phương, tìm hiểu và xác định các sự kiện cho trẻ khám phá, lập kế hoạch tổ chức các sự kiện đó.</p> <p>-Thực hành: lập kế hoạch tiếp cận một sự kiện gắn gũi với cuộc sống mang tính chất thời sự cho trẻ ở trường mầm non theo các độ tuổi</p>				6
59,50	<p>3.2. Chương trình phát sinh</p> <p>3.2.1. Quan niệm về chương trình phát sinh</p> <p>3.2.2. Nguồn của chương trình phát sinh</p> <p>3.2.3. Các nguyên tắc cơ bản của chương trình phát</p>	<p>Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành,</p>	LT 29,30		

	sinh	thảo luận			
	<p><b>* Tự học của sinh viên</b> (Đọc tài liệu [1,2,3,4])</p> <p>Vận dụng lí thuyết và tình hình thực tế của địa phương, tìm hiểu và xác định các chủ đề có thể phát sinh cho trẻ khám phá, lập kế hoạch cho các chủ đề đó.</p> <p>Thực hành: lập kế hoạch tiếp cận một sự kiện gần gũi với cuộc sống mang tính chất thời sự cho trẻ ở trường mầm non theo các độ tuổi</p>				12
51 - 53	*Thực hành: SV chia nhóm lập kế hoạch chủ đề phát sinh.	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận		TH21,22	
53 - 60	<p><b>*Thực tế ở CSGDMN:</b> Quan sát trẻ trong cuộc sống hàng ngày hoặc trong một hoạt động nào đó (hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, hoạt động học...), tìm hiểu nội dung lồng ghép giáo dục an toàn giao thông ở trường mầm non, tìm hiểu chương trình, kế hoạch ngày, tuần, tháng, năm... tại cơ sở mầm non theo độ tuổi. Dự giờ một số hoạt động có chủ đích, ...</p> <p><b>- Đánh giá kết thúc học phần:</b> công bố điểm cho</p>	Dự hoạt động tại cơ sở mầm non		TH23 - 30	

	SV, thông báo SV đủ điều kiện, SV không đủ điều kiện thi - lí do				
	<b>Tự học của sinh viên</b> - Đọc lại toàn bộ giáo trình chính thức, hoàn thành sơ đồ tư duy của môn học. Ôn tập thi kết thúc học phần				8
	<b>Tổng số</b>		<b>30</b>	<b>30</b>	<b>120</b>

## 8. Tài liệu chính và tài liệu tham khảo

### - Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Thị Du (2022), Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN, Đề cương bài giảng.

### - Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Hồng Minh (2016), phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN (TLHT Trường CĐSP Bắc Ninh), NXB giáo dục.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo dục mầm non 2021( theo Văn bản hợp nhất 01/VBHN – BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GD vàĐT về việc Ban hành Chương trình giáo dục mầm non)

[4]. Lê Thu Hương, Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Ánh Tuyết ( Đồng chủ biên), 2020, Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non Nhà trẻ + Mẫu giáo (bé, nhỡ, lớn), NXB GD.

## 9. Phương thức kiểm tra – đánh giá điểm học phần

### 9.1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:

\* *Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):* là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm

- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm

\* *Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):*

- Hình thức thi: Vấn đáp



- Thời gian: 5 phút/ thí sinh

**9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần**

- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;

- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

**9.3. Thang điểm:** Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến **một** chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

*Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023*

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thương**

**Vũ Thị Ánh Ngọc**

**PHỤ LỤC 1**  
**MA TRẬN MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

1. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

2. Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (GDMN)

3. Mã ngành: 51140201

4. Loại hình đào tạo: Chính quy, VLVH, liên thông

5. Thời gian đào tạo: 3 năm

Học phần: Phát triển và tổ chức thực hiện Chương trình GDMN

Trưởng môn (Kí, ghi rõ họ và tên):.....

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Được thể hiện và mô tả trong học phần				
<b>1. Phẩm chất</b>	1.1.Yêu quê hương, đất nước	1.1.1	x	<b>2. Năng lực chung</b>	1.6.Tự học	1.6.1	x
		1.1.2	x			1.6.2	x
		1.1.3	x			1.6.3	x
		1.1.4	x		2.1.Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	2.1.1	x
	1.2.Mềm trẻ	1.2.1	x			2.1.2	x
		1.2.2	x			2.1.3	x
		1.2.3	x			2.1.4	x
	1.3.Yêu nghề	1.3.1	x			2.1.5	x
		1.3.2	x		2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	2.2.1	x
		1.3.3	x			2.2.2	x
	1.4.Trung thực	1.4.1	x			2.2.3	x
		1.4.2	x			2.2.4	x
		1.4.3	x			2.2.5	x
	1.5.Trách nhiệm	1.5.1	x			2.2.6	x
		1.5.2	x			2.2.7	x
		1.5.3	x		2.3.Năng lực lãnh đạo	2.3.1	x
		1.5.4	x			2.3.2	x
	2.4.Năng lực giải quyết vấn đề	2.4.1	x		2.3.3	x	
		2.4.2	x				

		1.5.5	x			2.4.3	x	
		2.4.5	x			2.4.4	x	
		2.4.6	x			3.5.1	x	
	2.5. Năng lực về xây dựng văn hóa nhà trường	2.5.1	x		3.5.Năng lực phát triển nghề nghiệp	3.5.2	x	
		2.5.2	x			3.5.3	x	
		2.5.3	x			3.5.4	x	
	2.6.Năng lực phân biệt	2.6.1	x			4.1. Năng lực khoa học GDMN	4.1.1	x
		2.6.2	x		4.1.2		x	
		2.6.3	x		4.1.3		x	
					4.1.4		x	
<b>3. Năng lực sư phạm</b>	3.1. Năng lực lập kế hoạch dạy học và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non.	3.1.1	x		4.2.Năng lực sử dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn khoa học GDMN để giải thích Chương trình GDMN	4.2.1	x	
		3.1.2	x			4.2.2	x	
		3.1.3	x		4.3. Năng lực hiểu và vận dụng các kiến thức khoa học tổng quát và khóa học ngành vào thực tiễn	4.2.3	x	
		3.1.4	x			4.3.1	x	
		3.1.5	x			4.3.2	x	
		3.1.6	x		4.3.3	x		
		3.1.7	x		4.3.4	x		
		3.1.8	x		4.3.5	x		
		3.1.9	x		4.4. Năng lực nghiên cứu khoa học GDMN	4.4.1	x	
	3.2. Năng lực chăm sóc và giáo dục	3.2.1	x			4.4.2	x	
		3.2.2	x			4.4.3	x	
		3.2.3	x		4.5. Năng lực sử dụng tiếng nước ngoài trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.5.1		
		3.2.4	x			4.5.2		
		3.2.5	x			4.5.3		
		3.2.6	x		4.6. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.6.1	x	
		3.2.7	x			4.6.2	x	
	3.3.Năng lực định hướng	3.3.1	x			4.6.3	x	
		3.3.2	x					
		3.3.3	x					
	3.4. Năng lực hoạt động xã hội	3.4.1	x					
		3.4.2	x					
		3.4.3	x					
					<b>4 Năng lực nghề nghiệp</b>			

**PHỤ LỤC 2**  
**BẢNG LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**GIÁO VIÊN MẦM NON, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức														Kĩ năng												Năng lực tự chủ và trách nhiệm														
		Kiến thức đại cương					Kiến thức chuyên ngành									Kĩ năng cứng						Kĩ năng mềm																				
		K T Đ C 1	K T Đ C 2	K T Đ C 3	K T Đ C 4	K T Đ C 5	K T C N 1	K T C N 2	K T C N 3	K T C N 4	K T C N 5	K T C N 6	K T C N 7	K T C N 8	K T C N 9	K T C N 10	K N C 1	K N C 2	K N C 3	K N C 4	K N C 5	K N C 6	K N M 1	K N M 2	K N M 3	K N M 4	K N M 5	K N M 6	K N M 7	K N M 8	K N M 9	K N M 10	K N M 11	K N M 12	N L 1	N L 2	N L 3					
MN. MN.C N.04	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN			X			X	X	X	X				X		X	X					X				X	X				X	X		X	X	X				X	X	X

**Ghi chú:** Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng chuẩn đầu ra nào của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thì đánh dấu “x” tương ứng.

